

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

**MINH TRIẾT HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN, DÂN VẬN
VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC**

(Tiếp theo kỳ trước)

TRẦN HẬU (*)

Đặc trưng nổi bật trong minh triết Hồ Chí Minh là sự quan tâm sâu sắc đến con người, là đấu tranh để giải phóng dân tộc, mang lại độc lập cho đất nước, tự do và hạnh phúc cho những người bị áp bức, bóc lột. Đó là chính trị và nhân văn trong minh triết Hồ Chí Minh và cũng là mục đích tư tưởng, điểm đến của chủ kiến và biến chủ kiến đó thành thực tiễn của Người. Luận giải minh triết Hồ Chí Minh về dân, dân vận và đại đoàn kết dân tộc, trong bài viết này, tác giả tập trung làm rõ quan điểm của Người về dân và dân chủ, về dân vận và đại đoàn kết dân tộc để đi đến kết luận rằng, nghiên cứu minh triết Hồ Chí Minh về những vấn đề này phải được đặt trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, trong cái nhìn tổng thể về toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh; không những cần phải khảo cứu di sản lý luận của Người, mà còn phải đi sâu nghiên cứu cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và phong phú của Người để từ những việc làm cụ thể của Người mà rút ra những triết lý sâu sắc.

1) Sự hình thành minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Minh triết đại đoàn kết của Hồ Chí Minh thể hiện nổi bật bản sắc truyền thống yêu nước và đoàn kết của dân tộc, nâng cao, phát triển truyền thống đó lên trình độ khoa học về lý thuyết và trình độ nghệ thuật trong vận dụng trong thực tế. Hồ Chí Minh đã thấu thái những giá trị văn minh của nhân loại, những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác, đồng thời chất lọc và kế thừa tinh hoa truyền thống của dân tộc để hình thành tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện lịch sử mới, đặt tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng khoa học vững chắc và cơ sở thực tiễn sinh động.

Trong lịch sử, các vĩ nhân trên thế giới đã đưa ra tư tưởng liên minh, liên hiệp, đoàn kết và tập hợp lực lượng để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, như: “Việc giải phóng những người lao động phải do chính tay những người lao động làm lấy” và kêu gọi những người bị áp bức phải liên hiệp lại. Những người bị áp bức không thể tự giải phóng nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội, những người cộng sản phải luôn luôn “đại diện cho lợi ích của toàn bộ phong trào” và “phải tự mình trở thành dân tộc, phải là bộ phận kiên

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

quyết nhất... luôn luôn thúc đẩy phong trào”(4). Con đường đấu tranh giải phóng phải là con đường “liên hiệp lại”, là đoàn kết và tập hợp lực lượng thành những liên minh, những khối đoàn kết vững mạnh. Những quan điểm ấy đã là tiền đề lý luận cho việc hình thành minh triết đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh.

Minh triết đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh còn hình thành trên cơ sở *lòng yêu nước nồng nàn*. Lòng yêu nước là sản phẩm của một dân tộc liên tục bị xâm lược và chịu ách đô hộ của ngoại bang. Cảnh nước mất, nhà tan và cuộc sống nô lệ, lầm than đã hun đúc lòng yêu nước nồng nàn của một dân tộc có truyền thống bất khuất. Lịch sử nhân loại đã từng chứng kiến những dạng đoàn kết dân tộc dựa trên những cơ sở khác nhau, như tranh chấp lãnh thổ, phân chia lợi ích kinh tế hoặc vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo... Ở Việt Nam, lòng yêu nước chân chính là cơ sở cho tư tưởng đại đoàn kết dân tộc. Hồ Chí Minh đã phát hiện đúng cơ sở quan trọng nhất, nắm bắt điểm then chốt nhất của dân tộc ta là lòng yêu nước. Khơi dậy lòng yêu nước của dân tộc ta chính là tạo cơ sở vững chắc cho tư tưởng đại đoàn kết toàn dân, khơi dậy sức mạnh của cả dân tộc và nó đã nhanh chóng lan tỏa khắp mọi miền của Tổ quốc, thu hút hàng chục triệu người tạo nên khối đại đoàn kết toàn dân.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh còn hình thành trên cơ sở *tổng kết kinh nghiệm lịch sử đấu tranh* của nhân dân ta chống áp bức, bóc lột và kinh nghiệm quốc tế. Hồ Chí Minh đã phân tích cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp, phân tích mâu thuẫn xã hội ở nước ta, chỉ ra những khác biệt của xã hội

Việt Nam so với các nước châu Âu và vạch ra đường lối cách mạng mới dựa trên cơ sở đoàn kết, tập hợp tất cả những lực lượng có thể đoàn kết được của dân tộc. Từ đó chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối, tạo nên bước ngoặt căn bản của cách mạng Việt Nam.

Với bản chất nhân văn cao cả, trí thông minh lỗi lạc, nhân cách cao thượng, lòng vị tha, bao dung... Hồ Chí Minh đã hình thành những triết lý mới về đoàn kết dân tộc, đưa đoàn kết dân tộc lên trình độ phát triển mới.

2) Một số vấn đề cơ bản trong minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đã đi vào cuộc sống, được khảo nghiệm qua cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta, đã trở thành *đường lối cơ bản của Đảng*. Những vấn đề cơ bản trong triết lý đại đoàn kết dân tộc đã chứng minh sức sống mạnh mẽ, bền bỉ trong thực tiễn phong trào cách mạng của nhân dân, bổ sung và làm phong phú thêm, góp phần hình thành lý thuyết phát triển xã hội nước ta trong lịch sử hiện đại của dân tộc.

Đại đoàn kết dân tộc được hiểu là những quan điểm, nguyên tắc, phương pháp tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, hướng dẫn hành động nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của cả dân tộc và cả sức mạnh quốc tế trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng đất nước. Hồ Chí Minh coi đoàn kết là *vấn đề chiến lược có ý nghĩa sống còn lâu dài*, chú

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.614, 615.

không phải là sách lược tạm thời trong từng lúc, từng nơi, lại càng không phải là một thủ đoạn chính trị. Đây là vấn đề *cơ bản nhất* về đại đoàn kết dân tộc, phân biệt giữa đại đoàn kết dân tộc chân chính với các kiểu đoàn kết dân tộc vì những động cơ khác. Trong thực tế, người ta thấy có nhiều sự tập hợp lực lượng nhân dân vì những mục tiêu khác nhau của lực lượng này hay lực lượng khác. Đó không phải là đại đoàn kết dân tộc chân chính, mà là thủ đoạn chính trị. Sự đoàn kết đó không bền vững, nó sẽ thay đổi khi mục tiêu chính trị đã thay đổi, lực lượng nhân dân trở thành công cụ để phục vụ mục tiêu chính trị.

- Đại đoàn kết dân tộc là *nội dung xuyên suốt trong đường lối cách mạng; nó không đơn giản chỉ là phương pháp tập hợp và tổ chức lực lượng quần chúng nhân dân*. Đoàn kết tập hợp nhân dân trước hết và quan trọng hơn hết là phải đề ra được đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng chính đáng của nhân dân và thu hút họ đi theo đường lối đó. Như vậy, đại đoàn kết dân tộc là một nội dung của đường lối cách mạng, chứ không chỉ là phương pháp vận động quần chúng. Theo Hồ Chí Minh, khi đường lối, chính sách không phù hợp lòng dân, thì cho dù phương pháp vận động quần chúng có hay, có giỏi đến mấy cũng không tập hợp nổi quần chúng. Nếu đường lối, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân, dù phương pháp đoàn kết, tập hợp quần chúng có vụng về, đơn giản, thậm chí cán bộ có thể mắc sai lầm, thì nhân dân vẫn sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cán bộ sửa chữa khuyết điểm và vượt qua.

Hồ Chí Minh khẳng định: *Đại đoàn kết dân tộc là nhu cầu, đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng, là nguyện vọng của nhân dân, chứ không phải là ý muốn chủ quan của người lãnh đạo*. Nếu khẳng định quần chúng nhân dân làm nên lịch sử, thì đại đoàn kết dân tộc là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Vai trò của người lãnh đạo là nhận thức đúng và khẳng định vị trí quan trọng của đại đoàn kết dân tộc, khơi dậy, hướng dẫn, tổ chức, tập hợp lực lượng quần chúng, làm cho khối đại đoàn kết dân tộc trở nên một lực lượng có tổ chức vĩ đại, chứ không phải là một sự liên kết lỏng lẻo, mang tính hình thức hay ô hợp, rời rạc. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn kiên trì đấu tranh để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong các hình thức tổ chức có tên gọi khác nhau của Mặt trận Dân tộc Thống nhất, coi đó là một nhu cầu khách quan của sự nghiệp đấu tranh của nhân dân. Thừa nhận tính khách quan của đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh trước sau như một chủ trương *thật thà, chân thành* trong xử lý các mối quan hệ trong khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là những lúc cách mạng gặp khó khăn, phức tạp. Mọi thái độ chủ quan áp đặt, bệnh hình thức, ban ơn, sự không nhất quán, nói không đi đôi với làm... đều xa lạ với tư tưởng đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh.

Ở Hồ Chí Minh không bao giờ có bạn đường tạm thời, lúc này thì đoàn kết, lúc khác lại bỏ rơi. *Tinh thần đoàn kết* là một triết lý đoàn kết độc đáo Hồ Chí Minh, hàm chứa sự tin tưởng, sự chung thủy, lòng bao dung, đức nhân ái, vị

tha, là sự kết hợp văn hóa phương Đông và phương Tây, kế thừa văn hóa Việt Nam, đó là văn hóa tâm công, lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo... của ông cha ta. Đã đoàn kết thì phải thật lòng với những ai thật lòng muốn đoàn kết. Hồ Chí Minh không chấp nhận sự đoàn kết nửa vời, đoàn kết một cách hình thức và coi đó là sự giả dối, thiếu trung thành, thiếu tôn trọng đối với nhân dân.

Minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc bao quát một phạm vi không gian rất rộng lớn, chứ không chỉ giới hạn trong một phạm vi nhỏ hẹp. Đại đoàn kết dân tộc bao quát trên bình diện rộng lớn mọi người dân ở tất cả các lĩnh vực xã hội. Đó là đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước thuộc các giai tầng xã hội khác nhau, các dân tộc, các tôn giáo, các giới, các lứa tuổi... sinh sống ở thành thị, nông thôn, miền núi, hải đảo, ở nước ngoài, hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Tư tưởng đoàn kết rộng rãi đòi hỏi phải xử lý mối quan hệ lợi ích đa dạng, thực hiện công bằng, bình đẳng giữa mọi người trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, bao dung và tha thứ nhưng giữ vững nguyên tắc vừa đoàn kết, vừa đấu tranh. Như vậy, đoàn kết rộng rãi nhưng không ô hợp “*như món xa lát Nga*” (Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói), đoàn kết có tổ chức, có kỷ cương vì lợi ích chung của dân tộc. Không thể chỉ vì đoàn kết một nhóm người, một lĩnh vực hoặc một địa phương này mà làm tổn hại đến việc tập hợp và đoàn kết nhóm người khác, địa phương khác, lĩnh vực khác. Đại đoàn kết dân tộc như vậy có

sức thu hút rộng rãi, không có sự phân biệt, do đó khơi dậy tâm lý bình đẳng và ý thức trách nhiệm cộng đồng đối với Tổ quốc. Mỗi người Việt Nam dù cư trú ở đâu, có địa vị và hoàn cảnh xã hội khác nhau, nhưng đều được coi trọng và đều được đoàn kết trong cộng đồng dân tộc. Hồ Chí Minh nói: “Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”(5). Như vậy, vừa phục vụ cho lợi ích chung của dân tộc, vừa bảo đảm quyền lợi cho mỗi con người. Tính đa dạng và phong phú, tính quần chúng rộng rãi đã làm tăng sự hấp dẫn và thích nghi của khối đại đoàn kết dân tộc.

Để đoàn kết mọi tầng lớp đa dạng và rộng rãi, Hồ Chí Minh đã thành lập các tổ chức và giúp đỡ cho đồng đảng quần chúng thành lập các tổ chức của mình, như các hình thức mặt trận dân tộc thống nhất mang tính toàn dân và mặt trận của từng giới, các đảng phái chính trị của trí thức, tư sản dân tộc (Đảng Dân chủ Việt Nam, Đảng Xã hội Việt Nam)... có hệ thống tổ chức từ cơ sở nơi dân cư trú lên đến toàn quốc, có tôn chỉ, mục đích và quy chế hoạt động phù hợp với giới mình. Như vậy, đại đoàn kết dân tộc vừa có phạm vi rộng rãi, vừa được tổ chức theo từng hệ thống để hành động, chứ không phải chỉ là sự tập hợp đám đông hoặc sự liên minh tạm thời, lỏng lẻo, do đó sức mạnh của đoàn kết dân tộc được tăng lên gấp bội. Như vậy, trong minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đã toát lên một tư duy hành động, chứ không phải là khẩu hiệu động viên, kêu gọi.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.134.

- Minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc còn hàm chứa những nguyên tắc của sự đoàn kết. Những nguyên tắc đó toát lên những giá trị tư tưởng cao quý của dân tộc.

Trước hết, đại đoàn kết dân tộc phải đảm bảo *lợi ích tối cao* của dân tộc và mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích chung của dân tộc với lợi ích của người dân. Chỉ có bảo đảm sự hài hòa đó, mới có thể đoàn kết được mọi người dân. Muốn vậy, cần phải tìm ra *mẫu số chung* được mọi tầng lớp trong xã hội chấp nhận, có thể tập hợp và đoàn kết được các thành viên khác nhau trong cộng đồng dân tộc. Trong ngót một thế kỷ đấu tranh gian khổ và anh dũng, mẫu số chung mà cả dân tộc ta có thể chấp nhận, đó là *đất nước được độc lập, tự do, dân chủ, Tổ quốc được hòa bình, thống nhất*. Theo Hồ Chí Minh, “bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”(6).

Lấy mẫu số chung làm điểm tương đồng thì có thể hóa giải những khác biệt, những mâu thuẫn trong xã hội, làm cho khối đại đoàn kết dân tộc đi từ nhỏ đến lớn, đi từ yếu đến mạnh, sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc ngày càng phát triển. Bài học lấy mẫu số chung làm điểm tương đồng đã có giá trị thiết thực trong việc tìm những bước đi và giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những khác biệt và mâu thuẫn tồn tại khách quan trong các mối quan hệ xã hội, nhất là vào những thời điểm đất nước gặp phải những tình huống gay go,

phức tạp. Với triết lý “*đĩ bất biến, ứng vạn biến*”, “*cầu đồng, tồn dị*” và “*thêm bạn, bớt thù*”, Hồ Chí Minh đã tập hợp, đoàn kết được mọi lực lượng có thể đoàn kết trong cả nước và bạn bè quốc tế, tạo nên tầng tầng, lớp lớp các mặt trận đoàn kết phong phú, đa dạng của từng ngành, từng giới, từng vùng miền cho đến toàn quốc, làm nên sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ hai, tin tưởng vào dân, biết dựa vào dân, coi dân là chủ thể, là nguyên tắc quan trọng của đoàn kết dân tộc. Xuất phát từ triết lý “*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*”, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đại đoàn kết trước hết là đoàn kết đại đa số nhân dân, tức là công nhân, nông dân, các tầng lớp lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết; nó như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác, không bỏ sót một ai. Khi khẳng định nhân dân đóng vai trò chủ thể của đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đồng thời chỉ rõ Đảng giữ vai trò lãnh đạo khối đại đoàn kết đó. Nhưng, để có thể lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân thì Đảng phải “*tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất*. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”(7). Đảng không thể đòi hỏi quần chúng thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, “*trước mặt quần chúng, không phải ta*

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.134.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.3, tr.222-223.

cứ viết lên trán hai chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến”(8).

Thứ ba, muốn có đại đoàn kết dân tộc bền vững, phải giữ vững nguyên tắc *dân chủ và đồng thuận*, cần phải tôn trọng người dân khi tập hợp và đoàn kết họ trong các tổ chức quần chúng, tôn trọng quyền làm chủ và xây dựng sự đồng thuận xã hội. Sự bền vững của đại đoàn kết dân tộc phụ thuộc vào các yếu tố dân chủ và đồng thuận, đồng thời lại cũng tạo điều kiện để thúc đẩy dân chủ và đồng thuận. Không có dân chủ và đồng thuận, sự đoàn kết sẽ lỏng lẻo, dễ rơi vào hình thức và sẽ tan vỡ khi chịu tác động của các nhân tố chia rẽ. Để đoàn kết vững bền, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh: “Dân ta xin nhớ chữ đồng? Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”(9). Muốn vậy, phải đấu tranh không nhân nhượng, chống tư tưởng bè phái thông qua phê bình và tự phê bình một cách công khai, dân chủ trong Đảng và trong các tổ chức. Đại đoàn kết không phải là con đường bằng phẳng, mà phải trải qua không ngừng đấu tranh, có khi gặp thử thách, thậm chí cả sự mất mát, để tạo nên môi trường dân chủ và đồng thuận mới có thể củng cố cho đại đoàn kết được vững bền.

Hồ Chí Minh luôn coi trọng cả hai phương diện công tác để củng cố đại đoàn kết dân tộc. *Một mặt*, phải chống những hoạt động chia rẽ, bè phái; *mặt khác*, phải rất coi trọng vai trò của hoạt động lãnh đạo quản lý, như xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách đúng, có đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch là dày tó thật trung thành của nhân dân. Xây dựng đồng thuận xã hội sẽ làm cho khối đại đoàn kết dân tộc

được bền chặt, vì nó được bảo đảm bằng sự tin cậy lẫn nhau trong xã hội. Lòng tin của nhân dân phụ thuộc vào sự đúng đắn của đường lối, chính sách, sự gương mẫu, trong sạch, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên và việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong đời sống xã hội.

- Minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc còn bao gồm những *phương pháp thích hợp và phong phú, linh hoạt* nhằm biến tư tưởng đại đoàn kết thành hiện thực.

Nghiên cứu tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh, có thể khái quát thành 3 loại phương pháp lớn sau đây:

Một là, phương pháp tuyên truyền, giáo dục: Con người là chủ thể của đại đoàn kết, vì vậy phương pháp đầu tiên để thực hiện đại đoàn kết phải là phương pháp tuyên truyền, giáo dục nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước chân chính trong mỗi con người để tạo tiền đề, mở cửa đi vào đại đoàn kết. “Tinh thần yêu nước như là cái thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của ta là làm cho những thứ của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước...”(10). Đặc trưng của phương pháp tuyên truyền, giáo dục mà Hồ Chí Minh đã tiến hành

(8) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.3, tr.115.

(9) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.5, tr.184-185.

(10) Hồ Chí Minh: *Sdd.*, t.6, tr.36-38.

chính là kết hợp chặt chẽ ba yếu tố có quan hệ hữu cơ với nhau, đó là *tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo*, trong đó nổi bật là gắn liền tuyên truyền với tổ chức hành động thực tế bằng các phong trào, việc làm theo mục tiêu, nhiệm vụ của từng thời kỳ. Như vậy là kết hợp giữa tư tưởng và hành động, lời nói và việc làm trong đại đoàn kết dân tộc, thông qua hành động mà làm cho quần chúng nhân dân phát huy lòng yêu nước và tính cố kết cộng đồng, chứ không chỉ dừng ở những khẩu hiệu tuyên truyền, ở nhận thức tư tưởng. Đó chính là sức mạnh của công tác tuyên truyền, giáo dục. Qua mỗi thời kỳ cách mạng, việc xác định nội dung tuyên truyền, giáo dục thiết thực, nhằm vào những vấn đề phản ánh đúng nguyện vọng thiết thân và quyền lợi cơ bản, chính đáng của nhân dân, bao gồm nguyện vọng, quyền lợi chung của cả dân tộc và nguyện vọng của từng giai tầng, coi đó là điểm tương đồng mọi người đều đồng thuận. Đó là những khẩu hiệu hành động thống thiết đi vào lòng người, thôi thúc mọi người tham gia vào hành động chung, như:

+ Trước khi giành được chính quyền thì khẩu hiệu tập hợp quần chúng là “Độc lập dân tộc và người cày có ruộng”...

+ Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp thì khẩu hiệu là “Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”,...

+ Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ thì khẩu hiệu là “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”...

Hai là, xây dựng đại đoàn kết dân tộc bằng tổ chức.

Đại đoàn kết dân tộc bằng các hình

thức tổ chức chúng ta sự đoàn kết đã đạt đến trình độ phát triển cao và chặt chẽ, có thể tập hợp các lực lượng có thể tập hợp được trong các tổ chức để tiến hành các hoạt động theo chương trình đại đoàn kết dân tộc.

Mặt trận Dân tộc Thống nhất và nhiều tổ chức xã hội khác là tổ chức rộng rãi của khối đại đoàn kết dân tộc phải được xây dựng thật đa dạng, linh hoạt, phải thực sự là tổ chức của dân, đại diện cho nguyện vọng và lợi ích chính đáng của dân, đấu tranh bảo vệ quyền lợi cho dân. Các hình thức tổ chức có tên gọi khác nhau của Mặt trận Dân tộc Thống nhất, từ Hội Phản đế đồng minh năm 1930 cho đến Mặt trận Tổ quốc ngày nay, là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là tổ chức quần chúng có vai trò nòng cốt đoàn kết, liên minh các tổ chức, đảng phái chính trị, cá nhân tiêu biểu trong cả nước trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Đây là sự vận dụng linh hoạt và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh Việt Nam, không ngừng nhạy bén thay đổi và hoàn thiện các tổ chức Mặt trận, chống bệnh hình thức, hành chính hóa, nhà nước hóa, đồng thời phải đề ra một Cương lĩnh và Chương trình hành động rõ ràng, *thiết thực và vững chắc* cho cả nước, làm cho Mặt trận thực sự là ngôi nhà chung của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, các cá nhân, không có sự phân biệt. Cán bộ Mặt trận và các tổ chức xã hội phải tận tụy, gắn bó với dân, óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Mặt trận phải là diễn đàn rộng rãi của đoàn kết và dân

chủ xã hội. Bài học về xây dựng tổ chức Mặt trận của khối đại đoàn kết dân tộc là một điểm nhấn đáng trân trọng và tự hào của truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc ta, là một nội dung nổi trội trong minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Ba là, xử lý một cách sáng tạo, linh hoạt các mối quan hệ giữa các lực lượng trong khi thực hiện đại đoàn kết dân tộc. Cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất Tổ quốc diễn ra gay go, ác liệt, lâu dài nhiều thập kỷ, và công cuộc đổi mới đất nước trong những thập kỷ sau chiến tranh đã làm cho cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp ở nước ta không ngừng thay đổi, luôn đặt ra những vấn đề mới đòi hỏi phải xử lý linh hoạt và sáng tạo mối quan hệ giữa các tầng lớp trong xã hội, nhằm tăng thêm ngày càng nhiều bầu bạn, bớt đi ngày càng nhiều kẻ thù, tăng thêm ngày càng nhiều lực lượng tích cực, tranh thủ ngày càng nhiều lực lượng trung gian, giảm đi ngày càng nhiều những lực lượng tiêu cực.

Hồ Chí Minh luôn rất chú trọng phát huy vai trò của các lực lượng tiên tiến cách mạng, những nhân tố tích cực, làm cho lực lượng này ngày càng đông đảo, trưởng thành, làm cơ sở để đoàn kết các lực lượng khác trong xã hội, trong đó lực lượng công nhân, nông dân, trí thức chiếm số đông. Lực lượng tích cực làm nòng cốt sẽ làm cho đại đoàn kết được kiến trúc trên nền tảng bền chặt, tạo nên thế đứng vững vàng để đoàn kết các lực lượng khác đi theo đường lối đúng đắn, phân hóa và cô lập các lực lượng chống lại nhân dân.

Với tư tưởng bao dung của Hồ Chí Minh, những người thuộc tầng lớp

thượng lưu, trí thức đã từng gắn với bộ máy chính quyền của chế độ cũ, nhân sĩ, quan lại cũ, hoàng tộc..., trong quá trình đồng hành cùng dân tộc, cần được khơi dậy lòng yêu nước và ý thức dân tộc, xóa bỏ mọi định kiến, mặc cảm, có chính sách chân thành hợp tác và được trọng dụng, thật thà đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để cùng chống kẻ thù chung, phục vụ nhân dân, xây dựng đất nước. Đối với những người đã từng lầm đường, lạc lối mà quay về với nhân dân thì cần có chính sách khoan hồng để đưa họ tái hòa nhập với cộng đồng trong lòng dân tộc. Tuy chiến tranh chống ngoại xâm xảy ra liên miên, nhưng sau khi thắng lợi đã không diễn ra cảnh thanh trừng, trả thù đẫm máu. Hồ Chí Minh nói: “Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”(11). Đức bao dung và truyền thống lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng đã vượt lên trên mọi ân oán, hận thù và những ranh giới bên này, bên kia do chiến tranh xâm lược để lại. Chủ trương xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, khép lại quá khứ, nhìn về tương lai, tạo sự tin cậy lẫn nhau để khắc phục những ngăn cách, chia rẽ... đã làm cho khối đại đoàn kết dân tộc vượt qua được những rạn nứt, thử thách do chiến tranh để lại.

Nhân dân ta đã phải đối mặt với nhiều lực lượng chống đối và thù địch để giành và giữ vững độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Hồ Chí Minh đã nêu mẫu mực sáng ngời về thêm bạn,

(11) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.139-140.

bớt thù, chủ trương phân hóa cao độ, khai thác các mâu thuẫn trong nội bộ thế lực chống đối, tranh thủ lôi kéo tối đa những lực lượng nào có thể tranh thủ được, dù chỉ là một cá nhân, hòa hoãn với những thế lực có thể hòa hoãn, cô lập và đấu tranh kiên quyết với những lực lượng ngoan cố và phản động nhất. Tư duy đó của Hồ Chí Minh đã có tác dụng quan trọng thu hẹp các lực lượng chống đối, giảm bớt khó khăn và tổn thất cho cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc.

Quan điểm của Hồ Chí Minh: *Tự do tín ngưỡng, lương giáo đoàn kết* và *quan điểm đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ* là tư tưởng chỉ đạo của mọi chủ trương, chính sách về tôn giáo, dân tộc, đã có tác dụng tích cực trong việc xử lý các quan hệ tôn giáo, dân tộc ở nước ta, không để xảy ra xung đột tôn giáo dân tộc và đã huy động được các tầng lớp nhân dân theo đạo và dân tộc thiểu số vào việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhờ biết xử lý đúng đắn, sáng tạo và khôn khéo các mối quan hệ giữa các lực lượng nói trên mà làm cho các lực lượng tiến bộ và cách mạng ngày càng lớn mạnh, đoàn kết được ngày càng nhiều các lực lượng có thể đoàn kết, làm cho lực lượng nhân dân trong khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng đông, càng mạnh, phân hóa và làm suy yếu mọi thế lực chống đối. Đó là xu thế có tính quy luật trong sự vận động của khối đại đoàn kết dân tộc, chứng tỏ sự đúng đắn và sức sống mạnh mẽ của minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

*
* *

Có thể nói rằng, cho đến nay, việc nghiên cứu lịch sử dân tộc chưa được đặt đúng tâm của nó, trong đó có việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng của dân tộc. Những nghiên cứu còn khiêm tốn của một vài học giả đã quá cố chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh - trong phạm vi của nghiên cứu này là nghiên cứu minh triết Hồ Chí Minh, là một nghiên cứu có ý nghĩa lớn lao, góp phần tích cực vào nghiên cứu lịch sử tư tưởng của dân tộc ta.

Ngày nay, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh được đặt trong hoàn cảnh mới, có những đặc trưng mới khi tình hình trong nước và thế giới đã có những thay đổi sâu sắc. Thực tiễn cuộc sống đang đòi hỏi phải thay đổi mạnh mẽ trong tư duy khi nghiên cứu về lĩnh vực này. Sự thay đổi đó phải vượt ra khỏi sự ràng buộc của tư duy truyền thống và giải quyết triệt để mối quan hệ giữa bảo thủ và đổi mới. Nghiên cứu minh triết Hồ Chí Minh về Dân, Dân vận và Đại đoàn kết dân tộc phải được đặt trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, trong cái nhìn tổng thể về toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh. Không thể tách rời toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh để nghiên cứu về Dân, Dân vận và Đại đoàn kết dân tộc.

Trong minh triết Hồ Chí Minh nói chung, phải nói rằng phạm trù *Dân* là phạm trù xuyên suốt. Toàn bộ tư tưởng, tình cảm, hành động trong suốt cả cuộc đời của Hồ Chí Minh đều nhằm vào chữ *Dân*. Động cơ ra đi tìm đường cứu nước, dấn thân vào con đường cách mạng đầy chông gai, nguy hiểm cũng chỉ vì *Dân*, vì nước. Vì *Dân* là triết lý cao nhất và duy nhất của Hồ Chí Minh; nó chi phối

mọi tư duy, hành động cách mạng và cuộc sống của Người. Nhờ vậy đã tạo cho Hồ Chí Minh một cuộc đời trong sáng và đẹp đẽ để đến khi phải từ biệt thế giới này, có thể rút ra một kết luận tuyệt vời là *"không có điều gì phải ân hận"*! Trong thế gian này ít ai, nhất là những chính trị gia, cuối đời lại có thể hạ được câu bất hủ đó trong *Di chúc* của đời mình.

Suốt đời vì Dân, nhưng Hồ Chí Minh không bao giờ đứng trên dân, luôn coi Dân là quý nhất, mạnh nhất trong bầu trời. Cái vĩ đại của triết lý này chính là ở chỗ, Người đã thực hiện được nó trong suốt cuộc đời cách mạng, trong mọi lúc, mọi nơi, dù khó khăn hay thuận lợi, từ lúc hoạt động bí mật cho đến khi trở thành lãnh tụ của cả dân tộc. Con người ta luôn dễ bị hoàn cảnh khách quan làm cho thay đổi, nhất là khi có chức, có quyền. Quyền lực có thể làm thay đổi con người, thậm chí tha hóa bản chất con người. Chỉ có những người thực sự vì Dân, hiểu rằng chính Dân mới là người chủ sở hữu quyền lực, người cầm quyền chỉ là được ủy quyền để phục vụ nhân dân, thì người đó mới không bị tha hóa bởi quyền lực. Theo lôgic ấy, có thể thấy rằng, khi con người đã nắm quyền lực trong tay mà bị tha hóa bởi quyền lực thì thực tế, họ đã không còn là người được dân ủy quyền và lẽ đương nhiên, Dân có thể rút lại quyền đó.

Nghiên cứu minh triết Hồ Chí Minh về Dân, Dân vận và Đại đoàn kết dân tộc không giống với nghiên cứu các nhà hiền triết khác. Nếu chỉ khảo cứu các tác phẩm của Hồ Chí Minh mà không đi sâu nghiên cứu cuộc đời hoạt động cách mạng vô cùng sôi nổi và phong

phú của Người để từ những việc làm cụ thể rút ra những triết lý sâu sắc, thì không thể hiểu hết minh triết Hồ Chí Minh. Một lãnh tụ mà đêm ngày lo cho dân từ những việc nhỏ bình thường nhất trong cuộc sống, như gửi thuốc lao cho bộ đội ở chiến dịch biên giới (1950), nhắc gửi bồ kết cho nữ thanh niên xung phong, quây nhà tắm cho chị em... ở Trường Sơn thời kỳ chống Mỹ, và biết bao câu chuyện bình dị nhưng vô cùng cảm động khác không thể kể hết... đã không chỉ là câu chuyện về tác phong sinh hoạt của Hồ Chí Minh, mà nói lên triết lý về mối quan hệ với Dân. Ở Hồ Chí Minh thể hiện sự gặp gỡ, hòa quện chặt chẽ với nhau đến mức khó phân biệt giữa triết lý và hành động, lý trí và tình cảm, cái cao siêu và cái bình dị. Sở dĩ như vậy vì chính Hồ Chí Minh cũng tự coi mình là Dân, *một người lính vâng lệnh quốc dân ra trận*, khi xong nhiệm vụ thì mong muốn trở về làm một người dân bình thường trong ngôi nhà nhỏ nơi non xanh, nước biếc, sớm chiều làm bạn với con trẻ. Đây cũng là triết lý *"quan nhất thời, dân vạn đại"* mà người xưa đã đúc kết.

Có người cho rằng, học tập theo minh triết Hồ Chí Minh rất khó, vì đã là minh triết thì rất cao siêu, hơn nữa làm sao học và làm theo lãnh tụ được. Kỳ thực, minh triết Hồ Chí Minh không giống như của các nhà hiền triết khác; nó gần gũi với cuộc sống mỗi con người như cơm ăn, nước uống. Nếu có cái Tâm trong sáng, tất cả vì Dân, không màng danh lợi, ta sẽ thấy minh triết Hồ Chí Minh gần gũi với mỗi người, việc học tập và làm theo minh triết Hồ Chí Minh là điều có thể. □